

BIỂU HIỆN CỦA TÂM LÝ LÀNG XÃ TRONG QUAN HỆ GIA ĐÌNH QUA QUAN NIỆM CỦA THANH NIÊN NÔNG THÔN

Trần Thu Hiền

Trường CDSP Bà Rịa - Vũng Tàu.

1. Đặt vấn đề

Nền nông nghiệp tự cung tự cấp và tính chất khép kín của làng xã trước đây đã hạn chế hoạt động và giao tiếp của người làng xã trong một phạm vi nhỏ hẹp. Gia đình, họ mạc, xóm làng trở thành những nhóm cơ bản mà ở đó sự tác động thường xuyên và mạnh mẽ giữa người với người đã hình thành nên những hiện tượng tâm lý đặc trưng, chi phối thái độ và hành vi của mỗi người trong mối quan hệ liên nhân cách cũng như mối quan hệ liên nhóm được chấp nhận như là những chuẩn mực của đạo lý.

Trong thời kỳ kinh tế thị trường, quan hệ gia đình, họ hàng, làng xóm có nhiều biến đổi, do nhiều yếu tố tác động. Tình cảm huyết thống có lúc bị rạn nứt ở người này người khác, nhưng rồi lại được hàn gắn và củng cố với các mức độ khác nhau. Vậy thực trạng quan hệ trong gia đình hiện nay ở nông thôn ra sao? Để biết thực trạng này, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu trên 170 người thuộc tầng lớp thanh niên nông thôn ở 2 xã Xuân Vinh và Xuân Tiến của huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Xã Xuân Vinh là xã thuần nông, ít ngành nghề phụ. Xã Xuân Tiến là xã có nhiều ngành nghề phụ phát triển: tiểu thủ công nghiệp cơ khí, dịch vụ, buôn bán.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Nhu cầu phải có con trai

Tìm hiểu vấn đề này, chúng tôi đưa ra câu hỏi: Theo anh chị, trong mỗi gia đình có nhất thiết phải có con trai không? Kết quả thu được ở bảng 1.

Bảng 1: Sự nhất thiết phải có con trai

P/A Giới	Có						Không					
	Xuân Vinh		Xuân Tiến		Tổng		Xuân Vinh		Xuân Tiến		Tổng	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Nam	15	34,09	15	34,09	30	34,09	29	65,91	29	65,91	58	65,91
Nữ	17	41,46	7	17,07	24	29,27	24	58,54	34	82,93	58	70,73
	32	37,65	22	25,88	54	31,76	53	62,35	63	74,12	116	68,24

Ý kiến của thanh niên nông thôn về sự nhất định phải có con trai chỉ chiếm 31,76%. Trong khi đó phương án trả lời không là: 68,24%. Quan niệm truyền thống về việc phải có con trai và tâm lý khát con trai của người nông thôn đã thay đổi.

Nhiều năm trước đây, tâm lý khát con trai tồn tại dai dẳng và mạnh đến nỗi chưa có một quan điểm mới nào, một áp lực mới nào có thể vượt qua. Chuẩn giá trị ít con đã được xác lập ở mức độ phổ biến, nhưng nếu chưa có con trai thì người nông dân cũng sẵn sàng bỏ chuẩn mực đó để có con trai. Có người cho rằng: tư tưởng coi trọng và khao khát đứa con trai của người nông dân Việt Nam sẽ còn tiếp tục tồn tại một khi chưa có những thay đổi căn bản về mô hình văn hoá truyền thống. Sự thay đổi đó có lẽ chỉ có được khi ở nông thôn Việt Nam có sự biến đổi quan trọng về cơ cấu kinh tế xã hội, về con người và giá trị làm người, khi có được một trình độ nhất định về khoa học và công nghệ của thời kì bùng nổ thông tin.

Nếu xét từ góc độ địa phương, chúng ta thấy rằng, xã Xuân Tiến có điều kiện kinh tế xã hội phát triển hơn so với xã Xuân Vinh. Ý kiến ở xã Xuân Tiến cho rằng sự nhất thiết phải có con trai chỉ chiếm 25,88%. Trong khi đó, ở Xuân Vinh tỉ lệ này là 37,65%.

Trong số các ý kiến cho rằng nhất thiết phải có con trai thì có tới 77,78% ý kiến cho rằng có con trai để nối dõi tông đường, 50% ý kiến là để cho cha mẹ nương tựa lúc tuổi già, 50% ý kiến là để đảm bảo hạnh phúc gia đình...

2.2. Quan hệ giữa bố mẹ và con đã trưởng thành

Thanh niên nông thôn cho rằng bố mẹ nên ở với con đã trưởng thành: 57,65%, không nên: 42,35%. Nếu như trước đây hầu hết người làng xã sống với nhau theo kiểu gia đình truyền thống: tam đại đồng đường, tứ đại đồng đường,

bố mẹ già bao giờ cũng ở với các con thì hiện nay do nhiều yếu tố tác động đến đời sống của mỗi người, quan niệm cũng có phần thay đổi.

Bảng 2: Lý do bố mẹ già nên ở với con đã trưởng thành

Lý do	Xuân Vinh		Xuân Tiến		Tổng số	
	SL	%	SL	%	SL	%
Con phải có trách nhiệm với bố mẹ	43/51	84,31	33/47	70,21	76	77,55
Tình cảm gia đình ấm cúng	4	7,84	2	4,26	6	6,12
Bố mẹ giúp đỡ, dạy bảo	9	17,65	16	34,04	25	25,51
Bố mẹ là chỗ dựa tinh thần	9	17,65	3	6,38	12	12,24
Truyền thống của người phương Đông	3	5,89	0	0	3	3,06

Bảng 3: Lý do bố mẹ già không nên ở với con đã trưởng thành

Lý do	Xuân Vinh		Xuân Tiến		Tổng số	
	SL	%	SL	%	SL	%
Muốn tự lập về kinh tế, muốn tự quyết định	16/34	47,09	23/38	60,53	39/72	54,17
Muốn sống thoải mái	5	14,71	8	21,05	13	18,06
Tính nết khác biệt, dễ va chạm	11	32,35	9	23,68	20	27,78
Con không nuôi nổi bố mẹ	0	0	1	2,63	1	1,39

Qua 2 bảng số liệu trên, có thể rút ra một số nhận xét:

Trong số người cho rằng cha mẹ nên ở với con trưởng thành thì trong đó có tới 77,55% ý kiến cho rằng bố mẹ nên ở với con vì lý do con có trách nhiệm chăm lo nuôi dưỡng bố mẹ lúc tuổi già sức yếu. Lý do chiếm ưu thế thứ 2 là: bố mẹ giúp đỡ, dạy bảo con, con học hỏi kinh nghiệm của bố mẹ (25,51%)

Có 54,17% ý kiến cho rằng bố mẹ không nên ở với con đã trưởng thành vì lý do muốn tự lập về kinh tế, tự quyết định trong cuộc sống, 27,78% ý kiến cho rằng do tính nết khác biệt, người già thường khó tính, thích yên tĩnh, người trẻ thì ồn ào dẫn đến mâu thuẫn va chạm.

Khi con đã bắt đầu làm chủ gia đình về kinh tế hay giữ những vai trò chủ chốt trong gia đình thì quan hệ cha mẹ, con trở nên phức tạp và căng thẳng hơn do tương quan giữa tính cộng đồng và tính cá nhân đã thay đổi, do tính độc lập của thanh niên đã sớm được xác định.

Cha mẹ thường có cảm giác bị coi thường, bỏ rơi và các cụ cũng cho rằng mình là gánh nặng cho con. Qua phỏng vấn người lớn tuổi trong làng, nhiều cụ cho rằng con bây giờ không tốt với bố mẹ như trước đây vì chúng lo lắng cho bản thân và gia đình riêng của mình hơn là lo cho cha mẹ.

Như vậy, những thay đổi về kinh tế, xã hội, văn hoá, lối sống... đã tác động vào mỗi gia đình làm cho quan hệ gia đình giữa bố mẹ và con không còn như xưa. Những ông bà nội ngoại để được báo hiếu, để được an nhàn vì cực nhọc và hi sinh cả đời cho con đang dần dần tách riêng khỏi con. Tuy nhiên có một thực tế là: gia đình nông thôn vẫn còn khó khăn, chẳng những đã và sẽ ly nông mà còn ly hương, tìm kiếm việc làm ở các đô thị và các khu công nghiệp, vô hình chung đã và đang bứt ra khỏi các quan hệ gia đình. Đó là xu hướng tất yếu trong quá trình phát triển kinh tế xã hội ở nông thôn nước ta.

2.3. Quan hệ giữa bố - mẹ (vợ - chồng) trong việc quyết định những công việc gia đình

Các nước châu Á vốn chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo khá nặng nề, do vậy, tư tưởng trọng nam, khinh nữ còn để lại dấu ấn trong đời sống xã hội Việt Nam. Chúng tôi đưa ra câu hỏi: Anh chị cho biết trong gia đình ai là người quyết định những công việc sau? Kết quả thu được là:

Bảng 4: Người quyết định những công việc trong gia đình

Người QĐ Xã Công việc	Bố						Mẹ					
	Xuân Vinh		Xuân Tiến		Tổng		Xuân Vinh		Xuân Tiến		Tổng	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Chọn nghề cho con	84	98,82	79	92,94	163	95,59	74	87,06	49	57,65	123	72,35
QĐ công việc học cho con	83	97,65	70	82,35	153	90,0	71	83,53	64	75,29	135	79,41
Mua sắm đồ đắt tiền	67	78,82	72	84,70	139	81,76	39	45,88	43	50,59	82	48,24
Xây dựng nhà cửa	85	100	80	94,12	165	97,06	31	36,47	32	37,65	63	37,06
Sắp xếp công việc hàng ngày	30	35,29	30	35,29	60	35,29	74	87,06	67	78,82	141	82,94
Nội trợ	3	3,53	0	0	3	1,76	85	100	85	100	170	100
Ngoại giao tiếp khách	77	90,59	75	88,24	152	89,41	40	47,06	39	47,06	79	46,47

Những công việc: chọn nghề cho con, việc học cho con cả bố và mẹ đều tham gia quyết định. Tuy nhiên, vai trò của người bố vẫn cao hơn mẹ. Như việc chọn nghề cho con (bố: 95,59%, mẹ chiếm 72,35%), việc quyết định việc học cho con (bố chiếm 90%, mẹ chiếm: 79,41%). Những công việc chính mà người bố thường quyết định là: mua sắm đồ đắt tiền (81,76%), ngoại giao tiếp khách (89,41%), đặc biệt là công việc xây dựng nhà cửa - công việc lớn thì vai trò quyết định của người bố là 97,06%. Trong khi đó ý kiến cho rằng người mẹ quyết định những công việc trên chiếm tỷ lệ không cao.

Những công việc chính của người mẹ là: Sắp đặt những công việc hàng ngày, nội trợ (100%). Tỷ lệ ý kiến cho rằng công việc này đối với người đàn ông trong gia đình chiếm tỷ lệ rất nhỏ (1,76%).

Trong gia đình nông thôn, không gian của người đàn ông là không gian xã hội lớn hơn (ngoại giao tiếp khách), là sự tham gia vào các quan hệ xã hội tinh thần ở bên ngoài gia đình và các sinh hoạt của đời sống “việc làng, việc nước”. Không gian của người phụ nữ, bó hẹp hơn chỉ trong gia đình, trong bếp, tham gia chủ yếu vào việc lo toan về sinh hoạt của đời sống hàng ngày. Trong gia đình người đàn ông giữ vai trò chủ đạo. Họ thường quyết định những việc lớn, những kế hoạch to tát như: làm nhà, cưới xin, còn việc chi phí vật vãnh, những việc nội trợ chủ yếu thuộc về người phụ nữ.

Công việc gia đình chưa được nam giới và xã hội đánh giá đúng, người ta thường xếp vào đó những việc không tên, không có giá trị, vì đóng góp của họ cho gia đình không được biết đến. Những người nghiên cứu nữ quyền đã chỉ ra rằng chỗ của người phụ nữ là ở trong gia đình, trong ngôi nhà, ngay cả khi họ có công ăn việc làm ở ngoài xã hội, thì công việc gia đình vẫn là chủ yếu và nội trợ là trách nhiệm của họ. Sự tập trung của phụ nữ vào công việc nội trợ cũng có nghĩa họ ít có quan hệ xã hội và đồng thời họ phải đảm đương những gánh nặng sản xuất và tái sản xuất, trong khi cơ hội trau dồi kiến thức và khả năng ra quyết định của phụ nữ lại bị giảm thiểu và năng lực của họ trong đảm nhận các vai trò có ý nghĩa xã hội lớn hơn lại không được phát huy.

3. Kết luận và kiến nghị

Kết luận

Sự chuyển sang cơ chế thị trường ở nông thôn đã có những tác động căn bản tới sự phát triển những biến đổi trong quan hệ gia đình. Quan niệm về sự cần thiết phải có con trai cũng thay đổi so với quan niệm truyền thống. Thanh niên đã bắt đầu ý thức được rằng việc sinh con trai cũng như con gái.

Những xu hướng đang điều chỉnh các quan hệ gia đình đã thể hiện rõ. Quan hệ giữa các thế hệ, quan hệ vợ chồng được xác lập không chỉ từ yêu cầu các quan hệ kinh tế, mà còn từ yêu cầu của việc củng cố và thống nhất gia đình. Người phụ nữ vẫn là người phụ thuộc, chịu thiệt thòi hơn.

Một vài kiến nghị

Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước mà trước hết là công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và kinh tế nông thôn đòi hỏi phải tính đến nhân tố con người, đặc biệt là nhân tố tâm lý trong con người. Mọi chính sách kinh tế và xã hội của Đảng và Nhà nước, mọi hoạt động của từng địa phương đều phải tính đến những yếu tố tâm lý, đối chiếu thực trạng của tâm lý làng xã với yêu cầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá để có thể xác định được nội dung thích hợp và biện pháp hữu hiệu có tính định hướng cho sự biến đổi tâm lý.

Nắm chắc thực trạng tâm lý làng xã còn là cơ sở để Đảng, Nhà nước và các địa phương đề ra được chủ trương đúng đắn, có biện pháp tác động để khắc phục mặt tiêu cực, làm lành mạnh hoá môi trường xã hội, tạo điều kiện cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá bền vững và phát triển nhanh chóng.

Để khắc phục sự phát triển không đồng đều về tâm lý giữa các vùng khác nhau, cần tăng cường đầu tư mọi mặt cho các làng phát triển chậm, cho vay vốn sản xuất, nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật, thêm nhiều dự án phát triển nông thôn, cải thiện hạ tầng cơ sở..., tạo công ăn việc làm cho nông dân để họ có thể phục vụ ngay trên quê hương mình, vừa thực hiện chủ trương lý nông bất ly hương, vừa giúp họ củng cố các mối quan hệ tốt trong gia đình ngày một tích cực hơn.

Tăng cường hơn nữa việc giáo dục truyền thống tốt đẹp của làng xã nói riêng và của dân tộc nói chung cho thế hệ thanh niên hiện nay. Đồng thời cũng có những biện pháp tích cực hữu hiệu ngăn chặn những thói hư, tật xấu nảy sinh từ mặt trái của nền kinh tế thị trường không phù hợp với thuần phong mỹ tục của làng xã và dân tộc. Tăng cường sự hoạt động của cấp Đoàn cơ sở, để Đoàn thực sự là điểm tựa, là bạn đồng hành trong việc nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần cho thanh niên nông thôn.